

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:70/2023/DS – ST

Ngày: 17-7-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Đào Khel

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023; Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2023; Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:144/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt Ngân hàng A). Địa chỉ: Số 40-42-44, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hồng L và bà Trương Thị Mỹ N. Địa chỉ: Số 193-197, đường T, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Theo

Quyết định ủy quyền số 340/QĐ-NHKL ngày 03/02/2023 và Giấy ủy quyền số 761/UQ-CNST ngày 29/11/2022). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 367/27, Quốc lộ X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 367/27, Quốc lộ X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Sóc Trăng với bà Lê Thị T có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018, để bà T vay của Ngân hàng số tiền là 24.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay: 120 ngày; Lãi suất trong hạn: 14,94%/năm; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay x 150%; Hình thức thanh toán: Trả góp vốn, lãi hàng ngày là 209.813 đồng/ngày. Để đảm bảo trả nợ, bà T cầm cố xe gắn máy, hiệu Honda Vision, mang biển kiểm soát 83P2-876.74 do Lê Thị T đứng tên chủ sở hữu, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 141520 Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/08/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, thì bà Lê Thị T đã trả góp được số tiền vốn vay 63 ngày, tương ứng số tiền là 12.600.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn vay là 11.400.000 đồng thì ngưng không thanh toán cho đến nay.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP A khởi kiện bà Lê Thị T, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc bà Lê Thị T và chồng là ông Lê Văn C thanh toán số tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/11/2022 tổng cộng là 22.480.000 đồng (Trong đó: Tiền vốn vay: 11.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn 269.667 đồng, tiền lãi quá hạn 10.810.000 đồng); Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm tiền lãi quá hạn là 12.542.873 đồng.

Trường hợp, bà Lê Thị T không thanh toán số tiền vốn, lãi nêu trên thì yêu cầu xử lý phát mãi tài sản cầm cố nêu trên của bà Lê Thị T để đảm bảo cho việc thanh toán số tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng theo hợp đồng cầm cố tài sản hai bên đã ký.

* Bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý

kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lãi và xử lý phát mãi tài sản cầm cố theo hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án; Còn bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng, cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà T thanh toán xong khoản tiền vốn, lãi vay nêu trên. Trường hợp bà Lê Thị T không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán số tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng thì xử lý phát mãi tài sản cầm cố là xe gắn máy nêu trên của bà T theo hợp đồng cầm cố hai bên đã thỏa thuận, ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt. Xét thấy, bà Lê Thị T, ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông C theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Sóc Trăng với bà Lê Thị T có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng, kiêm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018, để bà T vay của Ngân hàng số tiền là 24.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 ngày; Lãi suất trong hạn: 14,94%/năm; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay x 150%; Hình thức vay trả góp vốn, lãi hàng ngày là 209.813 đồng/ngày. Để đảm bảo trả nợ, bà T thế chấp tài sản là xe gắn máy, hiệu Honda Vision, mang biển kiểm soát 83P2-876.74 cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, thì bà Lê Thị T đã trả góp được số tiền vốn và lãi vay 63 ngày, tương ứng số tiền vốn đã trả là 12.600.000 đồng thì ngưng không thanh

toán cho đến nay. Nay Ngân hàng A khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị T, ông Lê Văn C thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại của hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận, ký kết. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện bị đơn bà Lê Thị T yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bên vay bà Lê Thị T có địa chỉ tại phường 6, thành phố Sóc Trăng, nên Ngân hàng khởi kiện theo địa chỉ cư trú của bị đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị T không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng như không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tính đến ngày 17/7/2023) là 24.212.540 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 24/8/2017; Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018; Giấy đề nghị giải ngân qua tài khoản và các bảng tính lãi suất của khách hàng Lê Thị T; Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân của bà Lê Thị T, ông Lê Văn C (Bút lục số 08 đến 18) và các tài liệu chứng cứ khác. Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn bà Lê Thị T có vay số tiền 24.000.000 đồng của Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng, bị đơn bà Lê Thị T và chồng ông Lê Văn C có ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Sóc Trăng và nguyên đơn Ngân hàng A cũng thừa nhận sau khi vay thì bà T đã góp cho Ngân hàng số tiền vốn vay được 63 ngày, tương ứng số tiền vay là 12.600.000 đồng thì ngưng không thanh toán theo đúng như nội dung của hợp đồng tín dụng nêu trên, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bà Lê Thị T, ông Lê Văn C có vay và còn nợ lại Ngân hàng A, chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn vay là 11.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.812.540 đồng (Trong đó có 269.667 tiền lãi trong hạn và 12.542.873 đồng tiền lãi quá hạn).

Do bên vay bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi hàng ngày

theo quy định tại Điều 2, 4 của Hợp đồng tín dụng nêu trên mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết và cũng như tính đến thời điểm hiện nay đã hết hạn thời thanh toán của hợp đồng cho vay hai bên đã thỏa thuận, ký kết nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi còn lại cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bà Lê Thị T, ông Lê Văn C yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay còn nợ lại tính đến thời điểm ngày 17/7/2023 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Xét yêu cầu xử lý tài sản cầm cố của nguyên đơn thì thấy: Theo nội dung thỏa thuận tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018 giữa hai bên đã ký thì tài sản đảm bảo cho việc trả nợ của bên vay là xe gắn máy, hiệu Honda Vision, mang biển kiểm soát 83P2-876.74 do Lê Thị T đứng tên chủ sở hữu, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 141520 Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/08/2017. Do đã hết hạn thanh toán số tiền vốn, lãi vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, nhưng bên vay bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo phương thức trả góp hàng ngày và theo nội dung thỏa thuận của Điều 4 hợp đồng nêu trên thì bên cho vay là Ngân hàng A được quyền bán hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố của bên vay để thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản cầm cố của nguyên đơn Ngân hàng A là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền 1.210.627 đồng và án phí không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 309; Điều 314, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với bị đơn bà Lê Thị T về việc thanh toán số tiền vốn, lãi suất theo Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018.

2. Buộc bị đơn bà Lê Thị T cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vốn và lãi suất vay (tính đến ngày 17/7/2023) là 24.212.540 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị T, ông Lê Văn C chậm thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố số A509289/HĐTD-CC ngày 16/05/2018 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 18/7/2023 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

Nếu bà Lê Thị T, ông Lê Văn C không thanh toán số tiền vốn, lãi vay nêu trên thì Ngân hàng A được quyền bán hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản cầm cố đối với xe gắn máy, hiệu Honda Vision, mang biển kiểm soát 83P2-876.74 do bà Lê Thị T đứng tên chủ sở hữu, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 141520 Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/08/2017 để thu hồi số tiền vốn, lãi vay.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.510.627 đồng.

3.2 Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 562.000 đồng theo biên lai thu số 00007741 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha